

NHÓM 7 :ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II -SS

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 6

I. KHUNG MA TRẬN

- **Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì 2*

- **Thời gian làm bài:** *90 phút*

- **Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)*

- **Cấu trúc:**

- *Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

- *Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

- *Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Tổng điểm
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
<i>1</i>	2	3	4	5	6	7	8	9			12
1. Bài 13,14,15,16,17(8 tiết)	1	4	1	1					2	5	3,25
2. Bài 33,34,35 (6 tiết)		3	2	1					2	4	2,25
3. bài 42,43,44,45,46 (11 tiết)		5	2	3	1		1		2	8	4,5
Số câu	1	12		4	1		1	0	6	16	22
Điểm số	1	3	2	1	2		1	0	6	4	10,0
% điểm số	40%		30%		20%		10%				10 điểm (100%)

II. BẢNG ĐẶC TẢ

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL	TN

1.. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)						
– Một số vật liệu – Một số nhiên liệu – Một số nguyên liệu	Nhận biết		4			
		Nêu được các thể nhiên liệu				C4
		Nhận biết 1 số cây lương thực				C5
		Nêu được các chất dinh dưỡng trong thực phẩm				C6
	Nhận biết dạng dung dịch chứa 1 chất tan				C7	
– Một số lương thực – thực phẩm	Thông hiểu		1			
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,...				
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ...				
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ...				
		– Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực –				C14

		thực phẩm trong cuộc sống.				
	Vận dụng					
		– Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng.				
		– Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng.				
		– Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm.				
	Vận dụng cao	Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.				
2. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch. Tách chất ra khỏi hỗn hợp (6 tiết)						
	Nhận biết					
		– Nêu được khái niệm hỗn hợp.				
		– Nêu được khái niệm chất tinh khiết.				
		– Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch.				
		– Nhận ra được một số các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước.				
	Thông hiểu			1		
		- Phân biệt được dung môi và dung dịch.				

		– Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.				
		– Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.				
		– Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước.				
		– Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.				C19
	Vận dụng				1	
		– Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi là gì.				
		– Thực hiện được thí nghiệm để biết dung dịch là gì.				
		– Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.				C20
		– Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.				
		– Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết.				
1. Đa dạng thế giới sống (30 tiết)					3	
- Sự đa dạng		- Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.				
		- Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.				C1

nguyên sinh vật, một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. - Sự đa dạng nấm, vai trò của nấm, một số bệnh do nấm gây ra. - Sự đa dạng của thực vật, động vật. - Tìm hiểu các sinh vật ngoài thiên nhiên.	Nhận biết	- Nêu được một số lợi ích của thực vật trong đời sống.				C3	
		Nhận biết 1 số nhóm thực vật				C2	
		- Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.					
		- Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...)					
	Thông hiểu			2			
		- Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).					
		- Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.					
		- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.					
		- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.					
		- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).					
- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.						C18	
- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt						C17	

		(Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).				
		- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).				
		- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.				
		- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.				
		- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.				
	Vận dụng	- Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.				
		- Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).				
		- Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.				

		- Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.				
		- Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.				
	Vận dụng cao:	- Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kỹ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...				
		- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.				
		- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).				
		- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.				
		- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.				
		- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.				
		- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).				
Lực trong đời sống (10 tiết)				5		
		- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.				
		- Nêu được đơn vị lực đo lực.				C8

<p>– Lực và tác dụng của lực</p> <p>– Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc</p> <p>– Ma sát</p> <p>– Lực cản của nước</p> <p>– Khối lượng và trọng lượng</p> <p>– Biến dạng của lò xo</p>	Nhận biết	- Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi.					
		- Nhận biết được dụng cụ đo lực là lực kế.					C12
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ.					
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động.					
		- Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật.					
		- Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.					
		- Lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.					
		- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.					
		- Kể tên được ba loại lực ma sát.					C10
		- Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ.					C11
		- Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát lăn.					
		- Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt.					
		- Lấy được ví dụ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong môi trường (nước hoặc không khí).					
		- Nêu được khái niệm về khối lượng.					
		- Nêu được khái niệm lực hấp dẫn.					
		- Nêu được khái niệm trọng lượng.					C9

		- Nhận biết được khi nào lực đàn hồi xuất hiện.				
--	--	---	--	--	--	--

		- Lấy được một số ví dụ về vật có khả năng đàn hồi tốt, kém.				
				1		
		- Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.				
		- Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế).				
		- Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc.				
		- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.				
		- Chỉ ra được nguyên nhân gây ra lực ma sát.				
		- Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt (ma sát lăn, ma sát nghỉ). Cho ví dụ.				
		- Phân biệt được lực ma sát nghỉ, lực ma sát trượt, lực ma sát lăn.				
	Thông hiểu	- Chỉ ra được chiều của lực cản tác dụng lên vật chuyển động trong môi trường.				C15
		- Đọc và giải thích được số chỉ về trọng lượng, khối lượng ghi trên các nhãn hiệu của sản phẩm trên thị trường.				
		- Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực hấp dẫn, trọng lực.				

		- Chỉ ra được phương, chiều của lực đàn hồi khi vật chịu lực tác dụng.				
		- Chứng tỏ được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.				
				1		
	Vận dụng	- Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.				
		- Chỉ ra được tác dụng cản trở hay tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát nghỉ (trượt, lăn) trong trường hợp thực tế.				
		- Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ.				C16
		- Lấy được ví dụ thực tế và giải thích được khi vật chuyển động trong môi trường nào thì vật chịu tác dụng của lực cản môi trường đó. Xác định được trọng lượng của vật khi biết khối lượng của vật hoặc ngược lại.				
		- Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật.				
3. Năng lượng (10 tiết)						

<p>– Khái niệm về năng lượng</p> <p>– Một số dạng năng lượng</p> <p>– Sự chuyển hoá năng lượng</p> <p>– Năng lượng hao phí</p> <p>– Năng lượng tái tạo</p> <p>– Tiết kiệm năng lượng</p>	Nhận biết	- Chỉ ra được một số hiện tượng trong tự nhiên hay một số ứng dụng khoa học kĩ thuật thể hiện năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.				
		- Kể tên được một số nhiên liệu thường dùng trong thực tế.				
		- Kể tên được một số loại năng lượng.				
		- Chỉ ra được một số ví dụ trong thực tế về sự truyền năng lượng giữa các vật.				
		- Phát biểu được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng.				
		- Lấy được ví dụ về sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi.				
		- Chỉ ra được một số ví dụ về sử dụng năng lượng tái tạo thường dùng trong thực tế.				
	Thông hiểu	- Nêu được nhiên liệu là vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy. Lấy được ví dụ minh họa.				
		- Phân biệt được các dạng năng lượng.				
		- Chứng minh được năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.				
		- Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa.				
		- Giải thích được các hiện tượng trong thực tế có sự chuyển hóa năng lượng chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.				

		- Nêu được sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. Lấy được ví dụ thực tế.				
	Vận dụng	- Giải thích được một số vật liệu trong thực tế có khả năng giải phóng năng lượng lớn, nhỏ.				
		- So sánh và phân tích được vật có năng lượng lớn sẽ có khả năng sinh ra lực tác dụng mạnh lên vật khác.				
		- Vận dụng được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên và ứng dụng của định luật trong khoa học kỹ thuật.				
		- Lấy được ví dụ thực tế về ứng dụng trong kỹ thuật về sự truyền nhiệt và giải thích được.				
		- Đề xuất biện pháp và vận dụng thực tế việc sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.				
4. Trái đất và bầu trời (12 tiết).						
– Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời	Nhận biết	- Mô tả được quy luật chuyển động của Mặt Trời hằng ngày quan sát thấy.				
		- Nêu được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng.				
		- Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời.				

– Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng – Hệ Mặt Trời – Ngân Hà.		- Nêu được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà.				
	Thông hiểu	- Giải thích được quy luật chuyển động mọc, lặn của Mặt Trời.				
		- Giải thích được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng.				
		- Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau.				
		- Giải thích được hình ảnh quan sát thấy về sao chổi.				
		- Giải thích được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà.				
		Vận dụng	- Giải thích quy luật chuyển động của Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng.			
	- Thiết kế mô hình thực tế bằng vẽ hình, phần mềm thông dụng để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong Tuần Trăng.					

III. ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2 NĂM HỌC 2022 – 2023

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Câu 1 : Những loài nấm độc thường có điểm đặc trưng nào sau đây?

- A. Tỏa ra mùi hương quyến rũ. B. Thường sống quanh các gốc cây.
C. Có màu sắc rất sặc sỡ. D. Có kích thước rất lớn.

Câu 2: Trong những nhóm cây sau đây, nhóm gồm các cây thuộc ngành Hạt kín là?

- A. Cây dương xỉ, cây hoa hồng, cây ổi, cây rêu. B. Cây nhãn, cây hoa ly, cây bào tằm, cây vạn tuế.
C. Cây bưởi, cây táo, cây hồng xiêm, cây lúa. D. Cây thông, cây rêu, cây lúa, cây vạn tuế.

Câu 3: Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

- A. Giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng CO₂ B. Giảm bụi và khí độc, giảm hàm lượng O₂
C. Giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng CO₂ và O₂ D. Giảm bụi và sinh vật gây bệnh, tăng hàm lượng CO₂

Câu 4: Nhiên liệu có thể tồn tại ở:

- A. 2 thể B. 3 thể C. 4 thể D. 5 thể

Câu 5: Cây trồng nào sau đây **không** được xem là cây lương thực?

- A. Lúa gạo. B. Ngô. C. Mía. D. Lúa mì.

Câu 6: Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều protein (chất đạm) nhất?

- A. Gạo. B. Rau xanh. C. Thịt. D. Gạo và rau xanh.

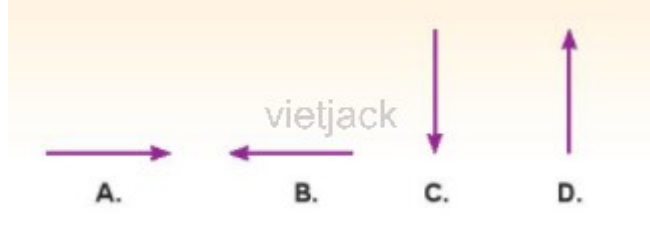
Câu 7: Hỗn hợp nào sau đây là dung dịch chỉ chứa một chất tan?

- A. Nước mắm. B. Sữa. C. Nước chanh đường. D. Nước đường.

Câu 8: Đơn vị của lực là

- A. niutơn.** **B. mét.** **C. giờ.** **D. gam.**

Câu 9: Các lực vẽ trong một mặt phẳng đứng dưới đây, lực nào có thể là lực hút của Trái Đất?



Câu 10: Có mấy loại lực em đã học:

- A. Lực tiếp xúc, lực không tiếp xúc; lực ma sát; lực đàn hồi; lực kéo.**
B. Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc.
C. Trọng lực; lực ma sát; lực đàn hồi.
D. Lực tiếp xúc; lực không tiếp xúc; lực hút trái đất, lực đàn hồi; lực ma sát.

Câu 11: Trường hợp nào sau đây, ma sát là có hại?

- A. Đi trên sàn đá hoa mới lau để bị ngã.
B. Xe ô tô bị lầy trong cát.
C. Giày đi mãi, đế bị mòn.
D. Bồi nhựa thông vào dây cung ở cần kéo nhị.

Câu 12: Dụng cụ dùng để đo lực là

- A. cân.** **B. đồng hồ.** **C. thước dây.** **D. lực kế.**

Câu 13: Thực vật có vai trò gì đối với động vật?

- A. Cung cấp thức ăn B. Ngăn biến đổi khí hậu
C. Giữ đất, giữ nước **D. Cung cấp thức ăn, nơi ở**

Câu 14: Lứa tuổi từ 11-15 là lứa tuổi có sự phát triển nhanh chóng về chiều cao. Chất quan trọng nhất cho sự phát triển của xương là:

A. carbohydrate B. protein C. calcium D. Chất béo

Câu 15: Tại sao đi lại trên mặt đất dễ dàng hơn khi đi lại dưới nước?

- A. Vì khi đi dưới nước chịu lực cản của không khí.
- B. Vì lực cản của nước lớn hơn lực cản của không khí.
- C. Vì khi ở dưới nước ta bị Trái Đất hút nhiều hơn.
- D. Vì không khí chuyển động còn nước thì đứng yên.

Câu 16: Mặt lốp xe lại có các khía rãnh nhằm mục đích gì?

- A. Tạo khía rãnh để tăng ma sát giữa bánh xe và mặt đường khiến xe chuyển động dễ dàng hơn về phía trước.
- B. Tạo khía rãnh trên lốp xe nhằm mục đích trang trí.
- C. Tạo khía rãnh để tiết kiệm nguyên liệu.
- D. Tạo khía rãnh để giảm ma sát giúp xe đi dễ dàng hơn.

B. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)

Câu 17 (1 điểm): Theo em, cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản của thực vật hạt kín có đặc điểm nào giúp chúng có mặt ở nhiều nơi và thích nghi với nhiều điều kiện môi trường?

Câu 18 (0,5 điểm): Bạn An và Lan cùng nhau ra quán mua một số đồ ăn, An bảo Lan trước khi mua bạn phải xem hạn sử dụng và quan sát màu sắc của đồ ăn cần mua. Lan tỏ ra khó hiểu hỏi bạn: Tại sao?

Bằng kiến thức đã học về bài Nấm em hãy thay An giải thích cho bạn Lan hiểu.

Câu 19 (1đ): Nêu các phương pháp tách chất khỏi hỗn hợp?

Câu 20 (0.5 điểm). Đun vỏ chanh trong nước , thu lấy hơi, làm lạnh hơi thu được hỗn hợp tinh dầu chanh và nước. Hãy trình bày cách để thu được tinh dầu chanh.

Câu 21 (1,5 điểm): Vì sao khi chạy thi ở các cự li dài, những vận động viên có kinh nghiệm thường chạy sau các vận động viên khác ở phần lớn thời gian, khi gần đến đích mới vượt lên chạy nước rút để về đích?

Câu 22 (1 điểm): Một lò xo có chiều dài tự nhiên 12 cm được treo thẳng đứng, đầu dưới của lò xo có gắn một quả nặng khối lượng 50g. Khi quả nặng nằm cân bằng thì lò xo có chiều dài 15cm. Cho rằng độ giãn của lò xo tỉ lệ thuận với khối lượng vật treo. Khi treo quả nặng có khối lượng 100g vào lò xo thì chiều dài của lò xo là bao nhiêu?

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2

I. TNKQ (4,0 điểm): Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đ/A	C	C	C	B	C	C	D	A	C	A	B	D	D	C	A	A

Phần II: Tự luận: (6,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 17 (1 điểm)	+ Thực vật hạt kín có cơ quan sinh dưỡng đa dạng về hình thái, trong thân có mạch dẫn phát triển. + Thực vật hạt kín sinh sản bằng hạt, hạt được bao bọc trong quả nên tránh được các tác động của môi trường. Quả và hạt đa dạng, nhiều kiểu phát tán khác nhau. - Nên thực vật hạt kín có mặt ở nhiều nơi.	0,25 0,5 0,25
Câu 18 (0,5 điểm)	Khi mua đồ ăn, thức uống chúng ta cần quan tâm đến màu sắc và hạn sử dụng vì: Thực phẩm khi để lâu dễ xuất hiện nấm và sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm (thay đổi màu sắc, mùi vị...), có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe người sử dụng.	0,5
Câu 19 (1 điểm)	Các phương pháp tách chất khỏi hỗn hợp: - Lọc: Tách chất rắn không tan ra khỏi chất lỏng. - Lắng: Tách các chất rắn lơ lửng nặng hơn ra khỏi các chất nhẹ hơn. - Cô cạn; Tách các chất khó bay hơi ra khỏi các chất dễ bay hơi. - Chiết: Tách các chất lỏng không tan vào nhau ra khỏi nhau.	0,5 0,5 0,5 0,5
Câu 20 (0,5 điểm)	Hỗn hợp tinh dầu chanh và nước phân lớp, tinh dầu nhẹ hơn nước nổi lên trên. Để thu được tinh dầu chanh, ta dùng phễu chiết để tách riêng nước ra khỏi tinh dầu chanh (mở phễu từ từ để tách lớp nước ở dưới, tránh mở phễu nhanh làm mất tinh dầu, gây xáo trộn hỗn hợp)	0,5

Câu 21 <i>(2 điểm)</i>	<p>- Vì khi chạy có lực cản của không khí.</p> <p>- Nếu chạy sau các vận động viên khác thì sẽ giảm được lực cản không khí, vẫn giữ được tốc độ, đỡ tốn sức, dành sức cho đoạn chạy nước rút.</p>	0,5 1
Câu 22 <i>(1 điểm)</i>	<p>Độ dãn của lò xo khi treo quả nặng có khối lượng 50g là: $15 - 12 = 3$ cm Khi treo vật có khối lượng 50g thì lò xo dãn 3 cm.</p> <p>Vì độ dãn của lò xo tỉ lệ thuận với khối lượng của vật treo do đó khi treo vật có khối lượng 100 g thì lò xo dãn ra một đoạn là: Vậy chiều dài của lò xo khi treo quả nặng có khối lượng 100g là: $12 + 6 = 18$ (cm)</p>	0,5 0,5